

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

NGHỀ: KỸ THUẬT SỬA CHỮA, LẮP RÁP MÁY TÍNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:599/QĐ-CĐCG-KT&KDCL
ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới)*

B
TR

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin
- Có đủ kiến thức về khoa học kỹ thuật làm nền tảng cho việc lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì máy vi tính.
- Có đủ năng lực để phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý các sự cố, tình huống trong máy vi tính.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì máy vi tính.
- Sửa chữa, bảo dưỡng các thành phần và thiết bị ngoại vi của máy vi tính.
- Có năng lực kèm cặp, hướng dẫn các bậc thợ thấp hơn.
- Có tính độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc của mình.
- Có khả năng tự nâng cao trình độ chuyên môn tiếp tục học lên trình độ cao hơn

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Có khả năng tự kinh doanh dịch vụ kỹ thuật, sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi.
- Là kỹ thuật viên cho các công ty phân phối và bảo trì các thiết bị máy tính.
- Nhân viên kỹ thuật lắp ráp cho các khu công nghệ cao.
- Nhân viên văn phòng, nhân viên kỹ thuật bảo trì máy tính và hệ thống mạng tại bộ phận vận hành và phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan, nhà máy, trường học.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 28
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1900 giờ - 89 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1645 giờ
- Khối lượng lý thuyết 691 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm 1112 giờ; kiểm tra 97 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian học tập (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/thực tập/ thí nghiệm/ bài tập	Kiểm tra
I	Các môn học chung/ đại cương	12	255	94	148	13
MH01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3

MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	77	1.645	594	967	84
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	24	450	206	215	29
MH 07	Anh văn chuyên ngành	3	60	30	25	5
MĐ 08	Tin học đại cương	5	75	40	30	5
MĐ 09	Tin học văn phòng	5	120	40	73	7
MH 10	Internet	2	45	15	28	2
MH 11	An toàn vệ sinh CN	2	30	20	8	2
MH 12	Kỹ thuật đo lường	2	30	23	5	2
MH 13	Kỹ thuật điện tử	2	30	18	10	2
MH 14	Ngôn ngữ lập trình C	3	60	20	36	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	34	725	280	405	40
MH 15	Kiến trúc máy tính	4	90	45	40	5
MH 16	Mạng máy tính	4	90	45	39	6
MĐ 17	Kỹ thuật xung số	2	30	20	8	2
MĐ 18	Thiết kế mạch in	2	30	10	18	2
MĐ 19	Lắp ráp và cài đặt máy tính	4	105	30	70	5
MĐ 20	Sửa chữa máy tính	6	135	45	85	5
MĐ 21	Sửa chữa bộ nguồn	3	60	24	30	6
MĐ 22	Kỹ thuật sửa chữa màn hình	6	125	45	74	6
MĐ 23	SC máy in và thiết bị ngoại vi	3	60	16	41	3
MH 24	Thực tập tốt nghiệp	6	215	-	215	-
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	13	255	111	129	15
MĐ 25	Cơ sở dữ liệu	4	60	40	15	5
MĐ 26	Hệ quản trị CSDL	3	60	26	30	4
MĐ 27	Quản trị mạng	2	45	15	28	2
MĐ 28	Chuyên đề tự chọn	4	90	30	56	4
	Tổng cộng	89	1.900	691	1.112	97

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo:

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học có thể bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: - Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên, Hội học sinh-Sinh viên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt .
5	Tham quan, dã ngoại	Theo kế hoạch đào tạo năm học

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	Kiến thức, kỹ năng nghề (có thể lựa chọn một trong hai phương pháp sau):		
1	Phương pháp 1:		
	- Môn thi lý thuyết nghề	Viết	không quá 180 phút
		Vấn đáp	không quá 60 phút một học sinh (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh)
		Trắc nghiệm	không quá 90 phút
	- Môn thi thực hành nghề	Bài tập thực hành	không quá 6 giờ
2	Phương pháp 2: Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Tích hợp	không quá 8 giờ

4.4. Các chú ý khác:

- Trên cơ sở số môn học, mô đun trong chương trình đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình được phê duyệt;
- Khi thực hiện các bài giảng cần phải tuân thủ hình thức giảng dạy theo nội dung trong chương trình đào tạo đã được phê duyệt./.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Kim Sơn